

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 6 năm 2019

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VN VỀ CÁC LĨNH VỰC CỦA
ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 44, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Mạnh Anh	1	04	7.0	Bảy	
2	Nguyễn Thị Ngọc Anh	2	03	8.0	Tám	
3	Vương Thị Vân Anh	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
4	Nguyễn Công Bình	3	02	8.0	Tám	
5	Bùi Thị Thanh Châm	4	72	7.5	Bảy rưỡi	
6	Phan Thanh Chương	5	01	7.5	Bảy rưỡi	
7	Trương Đức Cường	6	12	7.0	Bảy	
8	Nguyễn Mạnh Cường	7	11	7.0	Bảy	
9	Võ Việt Cường	8	52	7.5	Bảy rưỡi	
10	Trần Lê Duy	9	10	7.0	Bảy	
11	Đoàn Minh Đức	10	09	7.5	Bảy rưỡi	
12	Đỗ Thị Vân Giang	11	08	8.0	Tám	
13	Phan Thị Vân Giang	12	07	7.5	Bảy rưỡi	
14	Cao Thị Thu Hà	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
15	Nguyễn Mạnh Hà	13	17	8.0	Tám	
16	Đỗ Thị Hải	14	18	8.0	Tám	
17	Phạm Văn Hải	15	16	7.0	Bảy	
18	Hà Thị Thu Hằng	16	15	7.5	Bảy rưỡi	
19	Nguyễn Thị Lệ Hằng	17	14	8.0	Tám	
20	Trần Quang Hanh	18	13	8.0	Tám	
21	Nguyễn Thị Hạnh	19	06	8.0	Tám	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
22	Nông Hồng Hạnh	20	24	7.0	Bảy	
23	Trần Thị Thu Hiền	21	67	8.0	Tám	
24	Trần Thị Hiền	22	66	8.0	Tám	
25	Nguyễn Thanh Hiền	23	49	7.5	Bảy rưỡi	
26	Lê Khánh Hiệp	24	65	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Thị Anh Hoa	25	23	7.5	Bảy rưỡi	
28	Hữu Thị Hồng Hoa	26	22	8.0	Tám	
29	Nguyễn Lan Hoa	27	21	8.0	Tám	
30	Nguyễn Ngọc Hoan	28	63	8.0	Tám	
31	Nguyễn Thị Thu Hồng	29	05	7.5	Bảy rưỡi	
32	Trần Thị Bích Hợp	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
33	Đỗ Trọng Hùng	30	20	7.5	Bảy rưỡi	
34	Đào Thị Thu Hương	31	19	7.0	Bảy	
35	Ngô Thị Hương	32	57	7.0	Bảy	
36	Nguyễn Ngọc Hường	33	60	7.5	Bảy rưỡi	
37	Dương Ngọc Khang	34	30	7.5	Bảy rưỡi	
38	Cao Tiến Khoa	35	29	7.5	Bảy rưỡi	
39	Đặng Thị Kiều	36	50	8.0	Tám	
40	Hoàng Thị Bích Lệ	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
41	Nguyễn Phương Liên	37	28	8.0	Tám	
42	Lã Đỗ Khánh Linh	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
43	Nguyễn Thị Loan	38	27	8.0	Tám	
44	Dương Thị Thanh Mai	39	26	8.0	Tám	
45	Đặng Thị Mai	40	58	8.0	Tám	
46	Đỗ Thanh Mai	41	59	8.0	Tám	
47	Trần Duy Minh	42	69	7.5	Bảy rưỡi	
48	Hoàng Thu Nga	43	25	8.0	Tám	
49	Lý Thị Thu Nga	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
50	Nguyễn Thị Nghĩa	44	70	7.5	Bảy rưỡi	
51	Dương Thế Ngọc	45	76	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
52	Phạm Văn Ngọc	46	77	8.0	Tám	
53	Phạm Thị Minh Nguyệt	47	51	8.0	Tám	
54	Nguyễn Thị Như Nguyệt	48	74	8.0	Tám	
55	Dương Thị Như	49	71	7.5	Bảy rưỡi	
56	Trần Thị Tuyết Nhung	50	36	7.5	Bảy rưỡi	
57	Ninh Hồng Phấn	-	-	-	-	Không đủ ĐKDT
58	Hà Thị Minh Phương	51	35	8.0	Tám	
59	Hồ Thị Thanh Phương	52	34	8.0	Tám	
60	Lê Thị Phương	53	33	7.5	Bảy rưỡi	
61	Đào Thị Hồng Phượng	54	32	8.0	Tám	
62	Phạm Quốc Quân	55	31	7.5	Bảy rưỡi	
63	Lê Văn Quang	56	42	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Kim Quy	57	-	-	-	Vắng thi
65	Ninh Văn Quý	58	41	7.0	Bảy	
66	Chu Thị Hồng Quyên	59	40	7.5	Bảy rưỡi	
67	Nguyễn Thị Sinh	60	55	8.0	Tám	
68	Vũ Thị Tâm	61	39	8.0	Tám	
69	Vũ Chiến Thắng	62	38	8.0	Tám	
70	Nguyễn Thị Thảo	63	37	8.0	Tám	
71	Lê Thành Thế	64	48	7.0	Bảy	
72	Nguyễn Xuân Thế	65	75	7.5	Bảy rưỡi	
73	Đỗ Lê Thùy	66	62	8.0	Tám	
74	Ngô Thu Thủy	67	64	8.5	Tám rưỡi	
75	Vũ Mạnh Thủy	68	47	7.5	Bảy rưỡi	
76	Nguyễn Phương Thủy	69	56	7.5	Bảy rưỡi	
77	Vũ Thị Thanh Thủy	70	46	7.5	Bảy rưỡi	
78	Phạm Đình Tiệp	71	45	7.5	Bảy rưỡi	
79	Phạm Bá Trường	72	68	7.5	Bảy rưỡi	
80	Nguyễn Xuân Trường	73	44	7.5	Bảy rưỡi	
81	Trần Xuân Tứ	74	61	7.5	Bảy rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
82	Phùng Thị Tuyết	75	43	7.5	Bảy rưỡi	
83	Ma Thị Thúy Vân	76	54	8.0	Tám	
84	Nguyễn Xuân Vinh	77	73	7.5	Bảy rưỡi	
85	Ngô Trí Vĩnh	78	-	-	-	Vắng thi
86	Trần Anh Vũ	79	53	7.5	Bảy rưỡi	

**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**



Nguyễn Phúc Ái

**KHOA XDĐ
TRƯỞNG KHOA**



Ngô Thị Hồng Nhung

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên

